

SỞ GD & ĐT HẢI PHÒNG  
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~25~~/QĐ-THPTLTV

Hải Phòng, ngày 02 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**thành lập Hội đồng tuyển sinh THPT**  
**năm học 2025 - 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH**

Căn cứ Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường THPT;

Căn cứ Thông tư Số: 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và THPT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 đối với các trường THPT tư thục trên địa bàn thành phố.

**QUYẾT ĐỊNH**

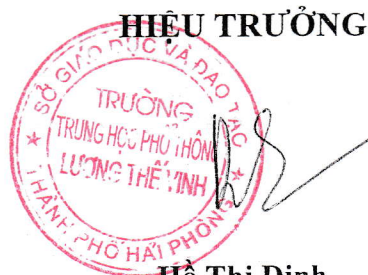
**Điều 1:** Thành lập thành lập Hội đồng tuyển sinh THPT năm học 2025 – 2026 gồm các thành viên (có danh sách kèm theo).

**Điều 2:** Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ triển khai công tác tuyển sinh theo kế hoạch, chủ động sáng tạo trong công việc và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất của Chủ tịch Hội đồng giao.

**Điều 3:** Các ông, bà thành viên Hội đồng tuyển sinh và người phụ trách các tổ chức, bộ phận liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- CBGVNV;
- Lưu VT.



**Hồ Thị Dinh**

## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH THPT

NĂM HỌC 2025 -2026

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-THPTLTV ngày 02 tháng 4 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường THPT Lương Thế Vinh)

| STT | Họ và tên          | Chức vụ                       | Chức danh         |
|-----|--------------------|-------------------------------|-------------------|
| 1   | Hồ Thị Dinh        | Hiệu trưởng                   | Chủ tịch Hội đồng |
| 2   | Đoàn Văn Nghĩa     | Phó Hiệu trưởng               | PCT TT Hội đồng   |
| 3   | Vũ Thị Thanh Thủy  | Phó Hiệu trưởng               | PCT Hội đồng      |
| 4   | Nguyễn Thị Huyền   | Phó Hiệu trưởng               | PCT Hội đồng      |
| 5   | Hoàng Anh Tuấn     | Giáo vụ                       | Ủy viên           |
| 6   | Trần Thị Thu Hương | Văn thư                       | Ủy viên           |
| 7   | Nguyễn Hà Hải      | Bí thư đoàn trường            | Ủy viên           |
| 8   | Đặng Văn Phú       | TT Tổ VP                      | Ủy viên           |
| 9   | Phùng Thị Nhã      | TT Tổ Ngữ Văn                 | Ủy viên           |
| 10  | Trần Thị Thu Hằng  | TT Tổ Toán                    | Ủy viên           |
| 11  | Nguyễn Thu Hiền    | TT Tổ Ngoại ngữ               | Ủy viên           |
| 12  | Vũ Thanh Nghĩa     | TT Tổ KHTN                    | Thư ký            |
| 13  | Nguyễn Thị Thắng   | TT Tổ KHXH,<br>CTCĐ           | Ủy viên           |
| 14  | Vũ Thị Ngân        | TT Tổ Tin học, CN,<br>TD - QP | Ủy viên           |
| 15  | Trần Thị Thu Trang | Kế toán                       | Ủy viên           |

Số: 05 KH/THPT-LTV

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025 - 2026

Căn cứ Công văn số 2394/VP-VX ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026 đối với các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 đối với các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố;

Thực hiện theo kế hoạch nhà trường. Trường THPT Lương Thế Vinh xây dựng Kế hoạch Tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Xây dựng phương án tuyển sinh phù hợp với tình hình cơ sở vật chất, các nguồn lực của nhà trường hướng tới mục tiêu tuyển sinh đủ chỉ tiêu mà Sở GD&ĐT giao.

##### 2. Yêu cầu

- Xây dựng kế hoạch có tính khả thi, có thể điều chỉnh linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế.

- Chấp hành các quy định, yêu cầu về công tác tuyển sinh đầu cấp của Sở GD&ĐT, UBND Thành phố Hải Phòng.

#### II. THÀNH LẬP BAN TUYỂN SINH

| STT | Họ và tên          | Chức vụ         | Chức danh         |
|-----|--------------------|-----------------|-------------------|
| 1   | Hồ Thị Dinh        | Hiệu trưởng     | Chủ tịch Hội đồng |
| 2   | Đoàn Văn Nghĩa     | Phó Hiệu trưởng | PCT TT Hội đồng   |
| 3   | Vũ Thị Thanh Thủy  | Phó Hiệu trưởng | PCT Hội đồng      |
| 4   | Nguyễn Thị Huyền   | Phó Hiệu trưởng | PCT Hội đồng      |
| 5   | Hoàng Anh Tuấn     | Giáo vụ         | Ủy viên           |
| 6   | Trần Thị Thu Hương | Văn thư         | Ủy viên           |



|    |                    |                               |         |
|----|--------------------|-------------------------------|---------|
| 7  | Nguyễn Hà Hải      | Bí thư đoàn trường            | Ủy viên |
| 8  | Đặng Văn Phú       | TT Tổ VP                      | Ủy viên |
| 9  | Phùng Thị Nhã      | TT Tổ Ngữ Văn                 | Ủy viên |
| 10 | Trần Thị Thu Hằng  | TT Tổ Toán                    | Ủy viên |
| 11 | Nguyễn Thu Hiền    | TT Tổ Ngoại ngữ               | Ủy viên |
| 12 | Vũ Thanh Nghĩa     | TT Tổ KHTN                    | Thư ký  |
| 13 | Nguyễn Thị Thắng   | TT Tổ KHXH,<br>CTCĐ           | Ủy viên |
| 14 | Vũ Thị Ngân        | TT Tổ Tin học, CN,<br>TD - QP | Ủy viên |
| 15 | Trần Thị Thu Trang | Kế toán                       | Ủy viên |

### III. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2025 – 2026 08 lớp, 360 học sinh.

### IV. PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

(Có báo cáo phương án tuyển sinh kèm theo)

### V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

| Nội dung                                                                            | Người thực hiện        | Ghi chú                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------|
| Xây dựng phương án tuyển sinh, chỉ đạo chung.                                       | Đ/c Dinh – Hiệu trưởng | Hoàn thành trước ngày 30/5             |
| Triển khai kế hoạch                                                                 | BGH                    |                                        |
| Thiết kế tờ rơi, bì hồ sơ, thông tin tuyển sinh, vở học sinh                        | Đ/c Tuấn – Giáo vụ     | Hoàn thành trước 10/3 (đ/c Dinh duyệt) |
| Công tác tư vấn tuyển sinh                                                          | GV Cơ hữu              |                                        |
| Công tác thu nhận hồ sơ đối tượng 1                                                 | Đ/c Tuấn, đ/c Thảo     | Hoàn thành trước 30/5                  |
| Xây dựng nội dung dạy học miễn phí cho học sinh khối 10 mới (đối tượng 1)           | Tổ/nhóm trưởng         | Trước 26/5                             |
| Xây dựng KH Tập trung HS đối tượng 1                                                | Đ/c Nghĩa – PHT        | Trước 30/5                             |
| Xếp lớp học hè miễn phí, xây dựng TKB học hè                                        | Đ/c Nghĩa – PHT        | Trước 30/5                             |
| Xây dựng KH tổ chức hội nghị tư vấn lựa chọn tổ hợp môn theo định hướng nghề nghiệp | Đ/c Nghĩa – PHT        | Trước 15/7                             |

|                                                                              |                                    |                      |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| Tổ chức chương trình Tư vấn lựa chọn tổ hợp môn theo định hướng nghề nghiệp. |                                    | Ngày 19/7            |
| Xây dựng KH tổ chức tiết học STEM trong hè cho học sinh thuộc đối tượng 1    | đ/c Hòa, tổ STEM                   |                      |
| Tổ chức thi KSCL đầu vào cho học sinh đối tượng 1                            | Đ/c Nghĩa – PHT                    | 23-24/6              |
| Thu nhận hồ sơ đối tượng 2                                                   | Đ/c Tuấn, đ/c Hòa, đ/c Nghĩa Sinh. | Trước ngày 31/8/2025 |
| Báo cáo kết quả tuyển sinh vào 10 năm học 2024 – 2025                        | Đ/c Nghĩa, đ/c Hương VT            | Theo lịch của Sở     |

Trên đây là kế hoạch tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025 – 2026. Kính đề nghị các cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiên cứu và thực hiện. Nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đề nghị liên hệ với cô Hồ Thị Dinh – Hiệu trưởng nhà trường./.

**Nơi nhận**

- Sở GD&ĐT Hải Phòng;
- BLĐ;
- Các đ/c có tên trong KH;
- Lưu VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Hồ Thị Dinh**

Số: 03 BC/THPT-LTV

Hải Phòng, ngày 13 tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**  
**Năm học 2025 – 2026**

**Kính gửi: - Sở GD&ĐT Hải Phòng.**

Căn cứ Công văn số 2394/VP-VX ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026 đối với các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-SGD&ĐT ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 đối với các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố;

Thực hiện theo kế hoạch giáo dục nhà trường. Trường THPT Lương Thế Vinh báo cáo phương án Tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025 – 2026 cụ thể như sau:

**I. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH**

- Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT Lương Thế Vinh năm học 2024 – 2025 là 08 lớp, 360 học sinh.

**II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Là học sinh đã tốt nghiệp THCS có độ tuổi được quy định tại **Điều 33** Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDDT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 02 đối tượng:

- Đối tượng 1: Học sinh đã tốt nghiệp THCS, không tham dự kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập, đăng ký xét tuyển bằng học bạ THCS.



- Đối tượng 2: Học sinh tham gia kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập, không vi phạm quy chế thi đến mức phải hủy bài thi, không có bài thi nào bị điểm liệt

#### IV. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TUYỂN SINH.

##### 1. Thời gian tuyển sinh:

Từ ngày nhà trường được duyệt phương án tuyển sinh đến ngày 31/7/2025.

##### 2. Địa điểm và địa chỉ liên hệ tuyển sinh:

- **Địa điểm:** Trường THPT Lương Thế Vinh  
Địa chỉ: Số 10 Tam Bạc, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng
- **Website:** thptluongthevinh.haiphong.edu.vn
- **Điện thoại tư vấn tuyển sinh:** 02253.746.329 hoặc 0936.466.350

#### V. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

##### 1. Với đối tượng 1: (Số lượng 150 học sinh)

- Đối với học sinh đã tốt nghiệp THCS nhưng **không** dự thi kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025 – 2026 (bao gồm cả các thí sinh có đăng ký dự thi nhưng không tham dự đủ 03 bài thi Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ). Xét tuyển căn cứ vào kết quả rèn luyện, kết quả học tập 04 năm THCS cụ thể:

##### a. Tuyển thẳng:

- Học sinh đạt kết quả rèn luyện loại Tốt, kết quả học tập loại Khá trở lên trong cả 4 năm THCS.
- Học sinh đạt giải Ba trở lên cấp Quận, Thành phố các môn văn hóa, thể thao, KHKT (có giấy chứng nhận), có kết quả rèn luyện loại Tốt và kết quả học tập loại Đạt trở lên cả 4 năm THCS.

b. Xét kết quả học tập và rèn luyện trong tháng 6: đối với học sinh không đáp ứng những yêu cầu xét tuyển thẳng (ưu tiên 100 học sinh nộp hồ sơ sớm và không vi phạm nội quy nhà trường trong thời gian học miễn phí trong hè tại trường).

##### 2. Với đối tượng 2: Học sinh có dự thi kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025 -2026

Xét kết quả điểm thi 03 bài thi (đại trà) Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập, trong đó **không có bài thi nào bị điểm liệt**. Tính tổng điểm ba môn không nhân hệ số: Toán + Ngữ văn + Ngoại ngữ, lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

##### 1. Thời gian công bố danh sách học sinh trúng tuyển

- Ngày 16/7/2025 công bố danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT Lương Thế Vinh đối tượng 2.

- Ngày 19/7/2025 tổ chức chương trình tư vấn lựa chọn tổ hợp môn năm học 2025 – 2026.

- Ngày 30/7/2025 học sinh cả 2 đối tượng tập trung tại trường làm thủ tục nhập học và nhận danh sách lớp chính thức.

- Nhà trường sẽ nhập danh sách thí sinh trúng tuyển vào phần mềm trên hệ thống do Sở GD&ĐT cung cấp trong thời gian tuyển sinh theo quy định và duyệt kết quả tuyển sinh (theo lịch của Sở GD&ĐT).

## **VII. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH:**

1. Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ (*có công chứng*)
2. Bằng tốt nghiệp THCS (*Đối với học sinh tốt nghiệp trước năm 2024*) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (*Đối với học sinh tốt nghiệp năm 2024*) (*bản chính*)
3. Học bạ cấp THCS (*bản chính*)
4. Giấy chứng nhận điểm thi vào 10 (*bản chính*) nếu tham gia dự thi.
5. Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích (*nếu có*)

## **VIII. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH**

### **1. Cơ sở vật chất**

| TT | Nội dung                                                                  | ĐVT            | Số lượng/chỉ số     | Ghi chú                                                                     |
|----|---------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Công nhận đạt chuẩn QG                                                    | Mức độ         | Chưa đạt            |                                                                             |
| 2  | Diện tích                                                                 |                |                     |                                                                             |
|    | - Tổng diện tích đất toàn trường                                          | m <sup>2</sup> | 2448 m <sup>2</sup> |                                                                             |
|    | - Tổng diện tích sử dụng                                                  | m <sup>2</sup> | 2448 m <sup>2</sup> |                                                                             |
|    | - Diện tích bãi tập                                                       | m <sup>2</sup> | 1300 m <sup>2</sup> |                                                                             |
|    | - Giấy chứng nhận quyền SDD và tài sản trên đất                           |                | BS468996            | Số sổ CT01402<br>( <i>Gửi kèm theo Giấy giao quyền SDD</i> )                |
|    | - Đối với cơ sở thuê, mượn địa điểm thời hạn hợp đồng tối thiểu 3 năm học |                | 05/HĐTK-2022        | Số Hợp đồng<br>05/HĐTK -<br>2022<br>( <i>Gửi kèm theo Hợp đồng photo</i> ). |
| 3  | Phòng thư viện                                                            |                | 01                  |                                                                             |
|    | - Diện tích                                                               | m <sup>2</sup> | 80 m <sup>2</sup>   |                                                                             |
|    | - Nhân viên thư viện/kiêm nhiệm                                           | Người          | 01                  | Kiểm nhiệm                                                                  |



|   |                                                              |                |                   |                           |
|---|--------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|---------------------------|
|   | - Công nhận thư viện đạt chuẩn                               |                | -                 |                           |
|   | - Chưa được công nhận thư viện đạt chuẩn                     |                | -                 |                           |
| 4 | Phòng thiết bị                                               |                |                   |                           |
|   | - Diện tích                                                  | m <sup>2</sup> | 70 m <sup>2</sup> |                           |
|   | - Nhân viên thiết bị/kiêm nhiệm                              | Người          | 01                | kiêm nhiệm                |
| 5 | Tổng số phòng học, <i>trong đó:</i>                          | Phòng          | 24                | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng kiên cố ( <i>đủ tiêu chuẩn về kích thước phòng</i> ) | Phòng          | 23                | 70 m <sup>2</sup> /phòng  |
|   | - Phòng bán kiên cố                                          | Phòng          | 1                 | 45 m <sup>2</sup> /phòng  |
|   | - Phòng tạm, xuống cấp                                       | Phòng          |                   |                           |
| 6 | Tổng phòng bộ môn ( <i>thực hành, thí nghiệm</i> )           | Phòng          | 02                | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học môn Âm nhạc                                      | Phòng          | 01                | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học môn Mỹ thuật                                     | Phòng          | 01                | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học môn Công nghệ                                    | Phòng          |                   | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học môn Tin học                                      | Phòng          |                   | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học môn Ngoại ngữ                                    | Phòng          |                   | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học đa chức năng                                     | Phòng          |                   | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học môn Vật lý                                       | Phòng          | 01                | 100 m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học môn Hóa học                                      | Phòng          | 01                | 100 m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học môn Sinh học                                     | Phòng          |                   | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
|   | - Phòng học môn KHXH                                         | Phòng          |                   | Đạt m <sup>2</sup> /phòng |
| 7 | Nhà đa năng                                                  | m <sup>2</sup> |                   |                           |

### III. Tình hình trang thiết bị

| TT | Nội dung                              | ĐVT | Số lượng |
|----|---------------------------------------|-----|----------|
| 1  | Tổng số máy vi tính, <i>trong đó:</i> | Bộ  | 62       |
|    | - Số máy vi tính dùng cho học sinh    | Bộ  | 50       |
|    | - Số máy vi tính dùng cho quản lý     | Bộ  | 12       |

|   |                                        |       |    |
|---|----------------------------------------|-------|----|
|   | - Số máy vi tính được kết nối Internet | Bộ    | 62 |
| 2 | Số máy in                              | Chiếc | 05 |
| 3 | Số máy Photocopy                       | Chiếc | 01 |
| 4 | Số máy chiếu Projector                 | Chiếc | 02 |
| 5 | Các loại thiết bị khác (nếu có)        | Chiếc | 90 |
|   | Kính thực tế ảo                        | Chiếc | 50 |
|   | Máy tính bảng                          | Chiếc | 30 |
|   | Màn hình tương tác                     | Chiếc | 06 |
|   | Phòng học STEM                         | Phòng | 01 |
|   | Phòng học thông minh                   | Phòng | 03 |

#### IV. Số cán bộ, giáo viên, nhân viên

##### - Hội đồng quản trị:

+ Họ và tên chủ tịch Hội đồng trường: Ông Vũ La Tin

Điện thoại : 0912.046.305

+ Quyết định công nhận số: 503/QĐ-SGDĐT-TCCB Năm: 2022

##### - Ban giám hiệu:

| TT | Họ và tên         | Chức vụ         | QĐ công nhận số | Năm công nhận | Số điện thoại |
|----|-------------------|-----------------|-----------------|---------------|---------------|
| 1  | Hồ Thị Dinh       | Hiệu trưởng     | 493/QĐ-SGDĐT    | Năm 2022      | 0936466350    |
| 2  | Vũ Thị Thanh Thủy | Phó Hiệu trưởng | 1440/QĐ-SGDĐT   | Năm 2021      | 0989207243    |
| 3  | Đoàn Văn Nghĩa    | Phó Hiệu trưởng | 494/QĐ-SGD      | Năm 2022      | 0918979966    |

##### - Giáo viên



| TT | Nội dung              | Số lượng | Trình độ đào tạo |         |         |      |
|----|-----------------------|----------|------------------|---------|---------|------|
|    |                       |          | Đại học          | Thạc sỹ | Tiến sỹ | Khác |
| 1  | Giáo viên cơ hữu      | 42       | 28               | 13      | 0       | 0    |
| 2  | Giáo viên thỉnh giảng | 19       | 13               | 6       | 0       | 0    |
|    | <b>Tổng cộng</b>      | 61       | 41               | 19      | 0       | 0    |

**- Nhân viên**

| TT | Nội dung                      | Số lượng    | Ghi chú |
|----|-------------------------------|-------------|---------|
| 1  | - Bộ phận hành chính          | 10          |         |
| 2  | - Cán bộ thí nghiệm, thiết bị | 02          |         |
| 3  | - Cán bộ thư viện             | 01          |         |
|    | <b>Tổng số nhân viên</b>      | 12          |         |
|    | <i>Trong đó:</i>              | <b>100%</b> |         |
|    | - Nhân viên cơ hữu            |             |         |
|    | - Tỷ lệ %                     |             |         |

**- Các tổ chức trong nhà trường**

- + Chi bộ: (Số đảng viên: 36 người)
- + Công đoàn: (Số đoàn viên công đoàn: 45 người)
- + Đoàn TN CSHCM: (Số đoàn viên: 425 người)

**4. Biên chế lớp năm học 2025 – 2026 (Dự kiến)**

- Lớp 10: 09 lớp - 405 học sinh
- Lớp 11: 09 lớp - 368 học sinh
- Lớp 12: 09 lớp – 369 học sinh
- \* Tổng số 27 lớp/ba khối với 1142 học sinh

Trên đây là báo cáo phương án tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025 – 2026 của trường THPT Lương Thế Vinh./.

**Nơi nhận**

- Sở GD&ĐT Hải Phòng;
- BLĐ;
- Các đ/c có tên trong KH;
- Lưu VT.



**Hồ Thị Dinh**